

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2025
Ho Chi Minh City, October 30, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG
THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SGDCK TP. HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND HOCHIMINH CITY STOCK
EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/To: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước / *The State Securities Commission*
Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM / *Ho Chi Minh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/Organization name: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 / *YEAH1 GROUP CORPORATION*
- Mã chứng khoán/Securities Symbol: YEG
- Địa chỉ trụ sở chính/Head office address: 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam / *140 Nguyen Van Thu, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*
- Điện thoại/Telephone: (+84) 287300 6071 Fax: 08 3910 1073
- Người thực hiện công bố thông tin/ Submitted by: Bà/Ms Lê Phương Thảo
Chức vụ/Position: Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chairwoman of the Board of Directors

Loại thông tin công bố ☒ Định kỳ ☐ Bất thường ☐ 24 giờ ☐ Theo yêu cầu
Information disclosure type Periodic Irregular 24 hours On-demand

Nội dung thông tin công bố/Content of Information disclosure:

Ngày 30/10/2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) công bố thông tin các nội dung sau:

- Báo cáo tài chính riêng Quý III năm 2025 của Công ty kèm Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính riêng Quý III năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2025 của Công ty kèm Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024.

On October 30, 2025, Yeah1 Group Corporation (“the Company”) disclosed the following information:

- The Company's separate Financial Statements for the third quarter of 2025 and the Explanation of the differences in the separate Financial Statements for the third quarter of 2025 compared to the same period in 2024.
- The Company's consolidated Financial Statements for the third quarter of 2025 and the Explanation of the differences in the consolidated Financial Statements for the third quarter of 2025 compared to the same period in 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 vào ngày 30 tháng 10 năm 2025 tại đường dẫn: <http://yeah1group.com/investor-relations>.

This information was disclosed on Yeah1 Group Corporation's Portal on October 30, 2025. Available at: <http://yeah1group.com/investor-relations>.



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct, and we bear the full responsibility under the law.

Nơi nhận:

Recipient:

+ Như trên;

+ *As above;*

+ Lưu VP;

+ *Archived;*

Đại diện tổ chức/Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/ *Legal representative*



LÊ PHƯƠNG THẢO

Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chairwoman



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

QUÝ III NĂM 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ III NĂM 2025**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	7
Thuyết minh cho báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	8

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 34 ngày 25 tháng 8 năm 2025.

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Phương Thảo
Ông Nguyễn Hoàng Giang
Bà Ngô Thị Vân Hạnh
Ông Đinh Hoài Nam
Ông Kim Min Soo

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Nam
Bà Lê Thị Bích Hằng

Ông Vương Hồ Trí Dũng
Lê Thị Hoa

Trưởng ban
Thành viên
(miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Thành viên
Thành viên
(bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Vân Hạnh
Ông Phạm Minh Tiến
Ông Yam Kong Fatt

Ông Kim Min Soo

Ông Chế Đoàn Viên

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(miễn nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2025)
Phó Tổng Giám đốc
(miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Phó Tổng Giám đốc
(miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025)

Người đại diện theo pháp luật

Bà Lê Phương Thảo
Bà Ngô Thị Vân Hạnh

Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 3 đến trang 46. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Lê Phương Thảo
Đại diện pháp luật Công ty

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 30 tháng 10 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		975.894.160.211	674.524.693.229
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	43.270.948.969	38.416.885.363
111	Tiền		43.270.948.969	38.337.088.258
112	Các khoản tương đương tiền		-	79.797.105
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		70.000.000.000	230.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		70.000.000.000	230.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		779.119.263.234	634.528.068.391
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	303.386.271.117	105.247.391.505
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		222.051.812.878	222.600.021.803
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7(a)	202.647.000.000	189.028.460.018
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	51.526.642.840	141.057.384.838
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(492.463.601)	(23.405.189.773)
140	Hàng tồn kho		79.700.094.543	501.439.034
141	Hàng tồn kho		79.700.094.543	501.439.034
150	Tài sản ngắn hạn khác		3.803.853.465	848.300.441
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	1.449.998.236	848.300.441
152	Thuế GTGT được khấu trừ		2.353.855.229	-

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

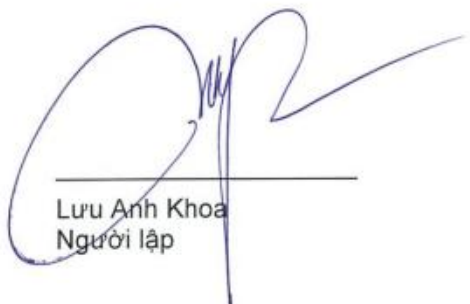
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.600.705.708.312	1.767.988.537.046
210	Các khoản phải thu dài hạn		405.739.334.800	336.730.634.800
211	Phải thu dài hạn của khách hàng		-	24.000.000.000
215	Phải thu về cho vay dài hạn	7(b)	102.820.000.000	9.615.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	302.919.334.800	303.115.634.800
220	Tài sản cố định		159.254.204.177	138.753.744.671
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	259.019.382	276.194.779
222	Nguyên giá		998.567.381	903.492.862
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(739.547.999)	(627.298.083)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	158.995.184.795	138.477.549.892
228	Nguyên giá		222.972.894.832	171.206.041.734
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(63.977.710.037)	(32.728.491.842)
240	Tài sản dở dang dài hạn		56.549.000.000	10.523.422.222
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	56.549.000.000	10.523.422.222
250	Đầu tư tài chính dài hạn		962.638.451.423	1.259.233.352.576
251	Đầu tư vào công ty con	4(a)	919.719.400.000	1.294.283.212.233
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	74.000.000.000	2.000.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	9.615.625.000	17.715.625.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4	(40.696.573.577)	(54.765.484.657)
260	Tài sản dài hạn khác		16.524.717.912	22.747.382.777
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	16.364.227.242	21.047.511.423
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		160.490.670	1.699.871.354
270	TỔNG TÀI SẢN		2.576.599.868.523	2.442.513.230.275

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		453.763.676.974	735.828.750.314
310	Nợ ngắn hạn		430.178.005.453	705.564.960.707
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	168.927.147.318	136.090.440.676
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	43.560.160.000	7.431.868.273
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.381.841.874	7.449.487.609
314	Phải trả người lao động		3.822.500.261	3.894.502.261
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.397.762.669	16.159.534.249
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		38.219.926.133	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	17	71.126.114.675	181.810.405.402
320	Vay ngắn hạn	18	98.742.552.523	352.728.722.237
330	Nợ dài hạn		23.585.671.521	30.263.789.607
338	Vay dài hạn	18	23.585.671.521	30.263.789.607
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.122.836.191.549	1.706.684.479.961
410	Vốn chủ sở hữu		2.122.836.191.549	1.706.684.479.961
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19,20	1.918.020.350.000	1.370.014.540.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.918.020.350.000	1.370.014.540.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20	75.418.254	140.518.254
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	20	204.740.423.295	336.529.421.707
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		336.529.421.707	313.310.291.758
421b	- (Lỗ)/LNST chưa phân phối kỳ này		(131.788.998.412)	23.219.129.949
440	TỔNG NGUỒN VỐN		2.576.599.868.523	2.442.513.230.275


 Lưu Anh Khoa
 Người lập


 Đặng Phương Dung
 Kế toán trưởng


 Lê Phương Thảo
 Đại diện pháp luật Công ty
 Ngày 30 tháng 10 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

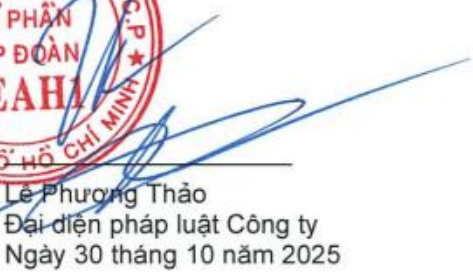
Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30.09.2025 VND	30.09.2024 VND	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	129.129.674.890	86.887.787.766	481.665.794.570	192.321.706.882
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	129.129.674.890	86.887.787.766	481.665.794.570	192.321.706.882
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(124.514.865.807)	(50.012.175.087)	(441.830.778.345)	(129.058.419.629)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.614.809.083	36.875.612.679	39.835.016.225	63.263.287.253
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.700.186.616	6.087.102.527	12.555.890.866	19.959.695.359
22	Chi phí tài chính	(1.819.997.541)	(6.607.027.732)	(137.894.492.495)	(14.128.237.011)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(2.712.146.586)	(6.607.027.732)	(13.772.344.953)	(14.128.237.011)
25	Chi phí bán hàng	-	-	(443.638.889)	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(19.338.844.866)	(26.448.831.891)	(43.596.874.141)	(56.751.550.066)
30	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	(10.843.846.708)	9.906.855.583	(129.544.098.434)	12.343.195.535
31	Thu nhập khác	417.000	-	4.363.962	280.407
32	Chi phí khác	(559.334.285)	(117.739.101)	(709.883.256)	(1.041.848.921)
40	Lỗ khác	(558.917.285)	(117.739.101)	(705.519.294)	(1.041.568.514)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30.09.2025 VND	30.09.2024 VND	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
50	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	(11.402.763.993)	9.789.116.482	(130.249.617.728)	11.301.627.021
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	28	-	-	-
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	28	-	(1.539.380.684)	-
60	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	(12.942.144.677)	9.789.116.482	(131.788.998.412)	11.301.627.021


Lưu Anh Khoa
Người lập


Đặng Phương Dung
Kế toán trưởng

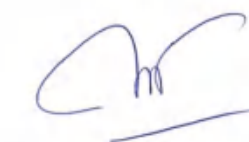


Lê Phương Thảo
Đại diện pháp luật Công ty
Ngày 30 tháng 10 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 46 là một phần cấu thành của báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	(130.249.617.728)	11.301.627.021
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại	31.361.468.111	17.456.615.185
03	Các khoản dự phòng	36.981.637.252	(28.446.515.290)
05	Lỗ/(Lãi) từ hoạt động đầu tư	125.622.788.758	(19.857.100.677)
06	Chi phí lãi vay	13.772.344.953	14.128.237.011
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	77.488.621.346	(5.417.136.750)
09	Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	65.577.593.247	(137.008.099.865)
10	Tăng hàng tồn kho	(79.198.655.509)	(6.672.939.983)
11	(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	(8.936.586.979)	265.593.220.391
12	Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	4.081.586.386	(17.886.398.866)
14	Tiền lãi vay đã trả	(21.924.007.226)	(4.020.560.693)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(4.377.636.288)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	32.710.914.977	94.588.084.234
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(51.861.927.617)	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(651.000.791.421)	(96.570.534.908)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	472.277.048.544	80.203.091.147
25	Tiền chi mua cổ phần, góp vốn vào đơn vị khác	(215.103.600.000)	(466.023.800.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	122.198.980.000	99.144.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	8.291.916.923	24.595.482.233
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(315.198.373.571)	(358.651.761.528)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	548.005.810.000	-
33	Tiền thu từ vay	154.415.446.357	433.159.432.945
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(415.079.734.157)	(173.106.288.997)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	287.341.522.200	260.053.143.948
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ	4.854.063.606	(4.010.533.346)
60	Tiền và đương tương tiền đầu kỳ	38.416.885.363	6.392.544.437
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	43.270.948.969	2.382.011.091


 Lưu Anh Khoa
 Người lập


 Đặng Phương Dung
 Kế toán trưởng




 Lê Phương Thảo
 Đại diện pháp luật Công ty
 Ngày 30 tháng 10 năm 2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO KỲ 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2025****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 34 ngày 25 tháng 8 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán – Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là YEG.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là truyền thông giải trí và quản lý.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm hoạt động tư vấn quản lý; quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty có 56 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 58 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty có 10 công ty con trực tiếp và 10 công ty con gián tiếp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 11 công ty con trực tiếp và 11 công ty con gián tiếp) được trình bày trong thuyết minh 4 – Đầu tư tài chính

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Đầu tư tài chính**(a) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán khi đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.8 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	10% – 20%/năm
Phương tiện vận tải	10% – 33%/năm
Thiết bị quản lý	33%/năm
Bản quyền chương trình	10% – 20%/năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%/năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ bên liên quan và các cá nhân.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập nhưng chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.18 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và chi phí lãi vay.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.24 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 4);
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 9); và

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.270.948.969	38.337.088.258
Các khoản tương đương tiền	-	79.797.105
TỔNG CỘNG	43.270.948.969	38.416.885.363

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư vào công ty con

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	Quyền sở hữu và biểu quyết	30.09.2025			Quyền sở hữu và biểu quyết	31.12.2024		
					Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
					VND	VND	VND		VND	VND	VND
	Công ty con trực tiếp			%				%			
1	Công ty TNHH 1Production	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00	350.000.000.000	(*)	-	100,00	139.000.000.000	(*)	-
2	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55	255.844.800.000	(*)	-	69,55	255.844.800.000	(*)	-
3	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	69,00	203.319.000.000	(*)	-	69,00	203.319.000.000	(*)	-
4	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	100,00	80.000.000.000	(*)	17.343.009.757	99,89	79.910.000.000	(*)	28.954.919.935
5	Công ty TNHH Yeah1 Up	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	100,00	25.000.000.000	(*)	13.489.430.882	92,00	23.000.000.000	(*)	15.286.052.381
6	Công ty TNHH 1Brandlink	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	100,00	2.000.000.000	(*)	-	100,00	2.000.000.000	(*)	-
7	Công ty TNHH 1Label	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	97,80	3.033.600.000	(*)	-	51,00	1.020.000.000	(*)	-
8	Công Ty TNHH Giải trí Và Truyền thông Mango+	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00	500.000.000	(*)	248.507.938	-	-		
9	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	50,98	12.000.000	(*)	-	50,98	12.000.000	(*)	-
10	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Tỉnh Bến Tre	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00	10.000.000	(*)	-	51,00	10.000.000	(*)	-
11	Công ty TNHH 1Talents	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	-	-			100,00	2.000.000.000	(*)	179.891.566
12	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	TP. Hồ Chí Minh	Các hoạt động sáng tạo, nghệ thuật và giải trí	-	-			99,99	588.167.412.233	(*)	

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

(*) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Ngoài ra, Công ty có các công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	30.09.2025		31.12.2024	
				Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
1	Công ty TNHH 1Talents	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	100,00	100,00	-	-
2	Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	69,55	100,00	69,55	100,00
3	Công ty TNHH Ting Ting Network	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55	100,00	69,55	100,00
4	Công ty TNHH Yeah1 Publishing	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	64,86	94,00	64,86	94,00
5	Công ty TNHH Big Cat	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	55,64	80,00	55,64	80,00
6	Công ty Cổ phần TStudio	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, hoạt động hậu kỳ	41,69	59,95	41,69	59,95
7	Công ty TNHH Việt Nam Music Award	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	35,47	51,00	35,47	51,00
8	Netlink Online Pte. Ltd.	Singapore	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	35,18	100,00	35,18	100,00
9	Netlink Communication Technology Ltd	British Virgin Island	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	35,18	50,99	35,18	50,99
10	Web Publishing Corp	British Virgin Island	Quảng cáo	17,63	50,10	-	-
11	Công ty Cổ phần Netlink	TP. Hà Nội	Quảng cáo	17,24	99,90	-	-
12	Công ty TNHH Giải trí và Truyền thông Mango+	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	69,55	100,00
13	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	-	-	58,99	59,00
14	Công ty Cổ phần Gigagoods	TP. Hồ Chí Minh	Bán lẻ	-	-	50,99	51,00

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

STT	Tên công ty	Tại ngày 30.09.2025					Tại ngày 31.12.2024				
		Quyền sở hữu	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Quyền sở hữu	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		%	%	VND	VND	VND	%	%	VND	VND	VND
1	Công ty Cổ phần 1Game	49,00	49,00	36.000.000.000	(*)	-	-	-	-	-	-
2	Công ty Cổ phần 1Creators	36,00	36,00	36.000.000.000	(*)	-	-	-	-	-	-
3	Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	40,00	40,00	2.000.000.000	(*)	-	40,00	40,00	2.000.000.000	(*)	-
TỔNG CỘNG				74.000.000.000					2.000.000.000		

(*) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	30.09.2025					31.12.2024				
			Tỷ lệ	Quyền	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng	Tỷ lệ	Quyền	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng
			sở hữu	biểu quyết				sở hữu	biểu quyết			
			%	%	VND	VND	VND	%	%	VND	VND	VND
1	Công ty Cổ phần Gamify Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000
2	Công ty Cổ phần Ads Group Việt Nam	Cổng thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000
3	Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	1.757.625.000	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	1.757.625.000
4	Công ty Cổ phần 1Game	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	-	-	-	-	-	18,00	18,00	8.100.000.000	(*)	728.995.775
TỔNG CỘNG					9.615.625.000		9.615.625.000			17.715.625.000		10.344.620.775

(*) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba	280.420.932.923	84.993.047.305
<i>Công ty Cổ phần Tera Ventures</i>	244.277.800.000	-
<i>Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Toàn Cầu</i>	17.135.800.000	23.835.800.000
<i>Công ty Cổ phần King Production</i>	9.753.210.000	9.549.100.000
<i>Công Ty Cổ Phần Phim Thiên Ngân</i>	5.584.546.497	-
<i>Khác</i>	3.669.576.426	51.608.147.305
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	22.965.338.194	20.254.344.200
TỔNG CỘNG	303.386.271.117	105.247.391.505
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9)	(419.125.706)	(1.798.983.363)
GIÁ TRỊ THUẦN	302.967.145.411	103.448.408.142

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba	214.550.783.580	217.663.828.234
<i>Công ty Cổ phần Tera Group</i>	154.214.476.520	209.318.476.520
<i>Công ty Cổ phần Giải trí và Sự kiện HAND</i>	41.685.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần King Production</i>	16.708.824.889	7.644.456.896
<i>Khác</i>	1.942.482.171	700.894.818
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	7.501.029.298	4.936.193.569
TỔNG CỘNG	222.051.812.878	222.600.021.803

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY

(a) Ngắn hạn

	30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba	200.000.000	166.873.460.018
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	202.447.000.000	22.155.000.000
TỔNG CỘNG	202.647.000.000	189.028.460.018
Dự phòng phải thu cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 9)	-	(300.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	202.647.000.000	188.728.460.018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba	1.915.000.000	9.090.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	100.905.000.000	525.000.000
TỔNG CỘNG	102.820.000.000	9.615.000.000

8 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
Tạm ứng cho nhân viên	22.464.861.937	2.100.207.967
Phải thu thu hộ theo hợp đồng	20.006.418.308	71.533.733.685
Phải thu lãi cho vay	7.150.794.258	6.118.412.043
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	134.922.450	1.228.922.450
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	45.763.157.895
Phải thu cổ tức	-	14.000.000.000
Khác	1.769.645.887	312.950.798
TỔNG CỘNG	51.526.642.840	141.057.384.838
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9)	(73.337.895)	(21.306.206.410)
GIÁ TRỊ THUẦN	51.453.304.945	119.751.178.428
Trong đó:		
Bên thứ ba	14.259.188.958	66.806.046.836
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	37.267.453.882	74.251.338.002

(b) Dài hạn

	30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
		-
Đặt cọc nhận chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất	196.000.000.000	196.000.000.000
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	99.875.000.000	99.875.000.000
Khác	7.044.334.800	7.240.634.800
TỔNG CỘNG	302.919.334.800	303.115.634.800

9 NỢ KHÓ ĐÒI

	30.09.2025			31.12.2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	523.907.131	104.781.425	(419.125.706)	3.163.801.860	1.364.818.497	(1.798.983.363)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	523.907.131	104.781.425	(419.125.706)	523.907.131	119.783.497	(404.123.634)
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	-	-	-	2.490.070.000	1.245.035.000	(1.245.035.000)
Công ty TNHH Yeah1 Vision	-	-	-	149.824.729	-	(149.824.729)
Trả trước cho người bán và phải thu ngắn hạn khác	218.735.792	145.397.897	(73.337.895)	25.322.553.232	4.016.346.822	(21.306.206.410)
Công ty TNHH Century Car and Service	84.000.000	84.000.000	-	84.000.000	-	(42.000.000)
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	-	-	-	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển UP	-	-	-	1.000.000.000	300.000.000	(700.000.000)
Khác	134.735.792	61.397.897	(73.337.895)	4.638.553.232	3.674.346.822	(964.206.410)
Phải thu cho vay ngắn hạn	-	-	-	300.000.000	-	(300.000.000)
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	-	-	-	300.000.000	-	(300.000.000)
TỔNG CỘNG	742.642.923	250.179.322	(492.463.601)	28.486.355.092	5.381.165.319	(23.405.189.773)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	30.09.2025	31.12.2024
	VND	VND
Chi phí dịch vụ trả trước	1.443.233.286	496.946.417
Công cụ, dụng cụ	6.764.950	348.806.607
Khác	-	2.547.417
TỔNG CỘNG	1.449.998.236	848.300.441

(b) Dài hạn

	30.09.2025	31.12.2024
	VND	VND
Chi phí cải tạo văn phòng	14.732.002.735	17.712.654.760
Công cụ, dụng cụ	1.231.309.093	1.625.361.958
Khác	400.915.414	1.709.494.705
TỔNG CỘNG	16.364.227.242	21.047.511.423

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**(a) TSCĐ hữu hình**

	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	903.492.862	903.492.862
Mua trong năm	95.074.519	95.074.519
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025	998.567.381	998.567.381
Giá trị khấu hao lũy kế		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(627.298.083)	(627.298.083)
Khấu hao trong năm	(112.249.916)	(112.249.916)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025	(739.547.999)	(739.547.999)
Giá trị còn lại		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	276.194.779	276.194.779
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025	259.019.382	259.019.382

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**(b) TSCĐ vô hình**

	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền nội dung VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	2.524.382.154	160.000.000	168.521.659.580	171.206.041.734
Mua trong năm	-	-	51.766.853.098	51.766.853.098
	<u>2.524.382.154</u>	<u>160.000.000</u>	<u>220.288.512.678</u>	<u>222.972.894.832</u>
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025	2.524.382.154	160.000.000	220.288.512.678	222.972.894.832
	<u>2.524.382.154</u>	<u>160.000.000</u>	<u>220.288.512.678</u>	<u>222.972.894.832</u>
Giá trị khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(827.465.028)	(45.333.339)	(31.855.693.475)	(32.728.491.842)
Khấu hao trong năm	(42.432.651)	(24.000.003)	(31.182.785.541)	(31.249.218.195)
	<u>(827.465.028)</u>	<u>(45.333.339)</u>	<u>(31.855.693.475)</u>	<u>(32.728.491.842)</u>
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025	(869.897.679)	(69.333.342)	(63.038.479.016)	(63.977.710.037)
	<u>(869.897.679)</u>	<u>(69.333.342)</u>	<u>(63.038.479.016)</u>	<u>(63.977.710.037)</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	1.696.917.126	114.666.661	136.665.966.105	138.477.549.892
	<u>1.696.917.126</u>	<u>114.666.661</u>	<u>136.665.966.105</u>	<u>138.477.549.892</u>
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025	1.654.484.475	90.666.658	157.250.033.662	158.995.184.795
	<u>1.654.484.475</u>	<u>90.666.658</u>	<u>157.250.033.662</u>	<u>158.995.184.795</u>

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
Phần mềm Onstudio	42.605.000.000	-
Phần mềm YEG DX	13.944.000.000	-
Chương trình phim ngắn đang sản xuất	-	5.523.422.222
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	-	5.000.000.000
	<u>56.549.000.000</u>	<u>10.523.422.222</u>
TỔNG CỘNG	56.549.000.000	10.523.422.222

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba	16.346.732.973	21.835.170.160
<i>Công ty TNHH STVProduction</i>	6.580.700.467	18.023.400.002
<i>Công ty Cổ phần Phim Thiên Ngân</i>	4.922.394.500	-
<i>Khác</i>	4.843.638.006	3.811.770.158
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	152.580.414.345	114.255.270.516
TỔNG CỘNG	168.927.147.318	136.090.440.676

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba	25.160.160.000	5.021.658.180
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam</i>	24.548.400.000	5.021.658.180
<i>Khác</i>	611.760.000	-
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	18.400.000.000	2.410.210.093
TỔNG CỘNG	43.560.160.000	7.431.868.273

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 01.01.2025 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30.09.2025 VND
(a) Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	-	46.146.027.120	(43.792.171.891)	2.353.855.229
	-			
TỔNG CỘNG	-	46.146.027.120	(43.792.171.891)	2.353.855.229
	=			
(b) Phải nộp				
Thuế TNDN	4.377.636.288	-	(4.377.636.288)	-
Thuế GTGT	1.428.946.752	48.674.886.423	(49.246.261.454)	857.571.721
Thuế thu nhập cá nhân	1.064.919.817	12.969.595.805	(12.577.133.331)	1.457.382.291
Thuế khác	577.984.752	1.557.576.656	(2.068.673.546)	66.887.862
TỔNG CỘNG	7.449.487.609	63.202.058.884	(68.269.704.619)	2.381.841.874

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí sản xuất chương trình	3.314.000.000	6.587.535.544
Chi phí lãi vay	83.762.669	-
Chi phí dịch vụ tư vấn và bản quyền	-	6.750.000.000
Chi phí kiểm toán	-	462.000.000
Lương tháng 13	-	2.356.713.500
Khác	-	3.285.205
TỔNG CỘNG	3.397.762.669	16.159.534.249
Trong đó:		
Bên thứ ba	2.817.762.669	16.156.249.044
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	580.000.000	3.285.205

17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
Phải trả các khoản nhờ chi hộ cho việc sản xuất các Dự án chương trình	32.191.800.887	43.796.097.986
Phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	32.174.491.330	31.500.000.000
Lãi vay	2.310.877.219	11.156.245.804
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và bảo hiểm thất nghiệp	690.158.178	854.042.816
Nhận ký quỹ, ký cược	300.000.000	-
Phải trả do chuyển nhượng vốn góp	-	89.800.020.000
Khác	3.458.787.061	4.703.998.796
TỔNG CỘNG	71.126.114.675	181.810.405.402
Trong đó:		
Bên thứ ba	14.586.181.288	137.072.172.756
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	56.539.933.387	44.738.232.646

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn không có khoản phải trả khác ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

18 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 01.01.2025	Tăng	Giảm	Tại ngày 30.09.2025	Lãi suất	Kỳ hạn trả nợ gốc
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	92.309.572.237	138.256.789.409	(135.798.809.123)	94.767.552.523		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	92.309.572.237	118.382.738.390	(135.798.809.123)	74.893.501.504	7,2%	Từ 22/10/2025 đến 19/04/2026
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	19.874.051.019	-	19.874.051.019	6,5% - 6,6%	Từ 09/02/2026 đến 26/03/2026
Vay bên thứ ba	238.444.150.000	4.835.000.000	(243.144.150.000)	135.000.000		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	735.000.000	135.000.000	(735.000.000)	135.000.000	10,5%	Ngày 20/12/2025
Bà Nguyễn Thị Khánh Hòa	10.189.000.000	1.000.000.000	(11.189.000.000)	-		
Công ty Cổ phần King Production		3.700.000.000	(3.700.000.000)	-		
Công ty Cổ phần Ban Media	40.000.000	-	(40.000.000)	-		
Bà Vũ Thị Tuyết Vân	117.147.080.000	-	(117.147.080.000)	-		
Ông Võ Xuân Huy	55.590.000.000	-	(55.590.000.000)	-		
Bà Nguyễn Hải Tường Vi	54.743.070.000	-	(54.743.070.000)	-		
Vay bên liên quan	21.975.000.000	25.830.000.000	(43.965.000.000)	3.840.000.000		
Công ty TNHH 1Brandlink	-	6.300.000.000	(4.800.000.000)	1.500.000.000	8,0%	Ngày 20/09/2026
Công ty TNHH Vietnam Music Award	2.040.000.000	-	(1.000.000.000)	1.040.000.000	10,5%	Ngày 17/05/2026
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	10,5%	Ngày 03/01/2026
Công ty TNHH TingTing Network	300.000.000	-	-	300.000.000	10,5%	Ngày 27/05/2026
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	18.285.000.000	4.050.000.000	(22.335.000.000)	-		
Công Ty TNHH Big Cat		6.700.000.000	(6.700.000.000)	-		
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	1.350.000.000	-	(1.350.000.000)	-		
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-		
Công Ty Cổ Phần Yeah1 Edigital		4.780.000.000	(4.780.000.000)	-		
TỔNG CỘNG	352.728.722.237	168.921.789.409	(422.907.959.123)	98.742.552.523		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

18 VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 01.01.2025 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 30.09.2025 VND	Lãi suất VND	Kỳ hạn trả nợ gốc VND
Vay ngân hàng	30.263.789.607	30.371.732.258	(38.549.850.344)	22.085.671.521		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	30.263.789.607	30.371.732.258	(38.549.850.344)	22.085.671.521	12,5%	Ngày 14/09/2028
Vay bên liên quan	-	13.550.000.000	(12.050.000.000)	1.500.000.000		
Công ty Cổ phần 1Label	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000	10,5%	Ngày 25/12/2026
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam		12.050.000.000	(12.050.000.000)	-		
TỔNG CỘNG	30.263.789.607	43.921.732.258	(50.599.850.344)	23.585.671.521		

19 VỐN CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	30.09.2025	31.12.2024
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	191.802.035	137.001.454
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	191.802.035	137.001.454
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	191.802.035	137.001.454

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.09.2025		31.12.2024	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Pyn Elite Fund	16.006.480	8,35	6.019.400	4,39
Bà Lê Phương Thảo	11.049.847	5,76	7.892.748	5,76
Cổ đông khác	164.745.708	85,89	123.089.306	89,85
TỔNG CỘNG	191.802.035	100,00	137.001.454	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	131.353.264	131.353.264
Phát hành cổ phiếu cho người lao động	5.648.190	5.648.190
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	137.001.454	137.001.454
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	54.800.581	54.800.581
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025	191.802.035	191.802.035

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.313.532.640.000	140.518.254	369.792.191.759	1.683.465.350.013
Phát hành cổ phiếu cho người lao động	56.481.900.000	-	(56.481.900.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	23.219.129.948	23.219.129.948
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.370.014.540.000	140.518.254	336.529.421.707	1.706.684.479.961
Lỗ trong năm	-	-	(131.788.998.412)	(131.788.998.412)
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	548.005.810.000	(65.100.000)	-	547.940.710.000
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025	1.918.020.350.000	75.418.254	204.740.423.295	2.122.836.191.549

(*) Vào ngày 13 tháng 3 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo kết quả số 58/2503/CV/YEG và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 70/2503/NQ/HĐQT/YEG ngày 13 tháng 03 năm 2025. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.370.014.540.000 VND lên 1.918.020.350.000 VND

21 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Doanh thu quảng cáo và truyền thông	405.109.333.673	111.700.575.301
Doanh thu cung cấp, tư vấn và khai thác bản quyền nội dung	22.959.833.599	41.529.216.598
Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.905.120.370	39.091.914.983
Doanh thu bán hàng hóa	6.691.506.928	-
TỔNG CỘNG	481.665.794.570	192.321.706.882

22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Giá vốn quảng cáo và truyền thông	372.425.267.757	103.630.484.129
Giá vốn cung cấp, tư vấn và khai thác bản quyền nội dung	32.714.021.994	9.141.487.819
Giá vốn cung cấp dịch vụ	34.479.395.555	16.286.447.681
Giá vốn bán hàng hóa	2.212.093.039	-
TỔNG CỘNG	441.830.778.345	129.058.419.629

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.544.623.475	19.857.100.677
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.267.391	1.722.620
Lãi thoái vốn công ty con	-	100.872.062
TỔNG CỘNG	12.555.890.866	19.959.695.359

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Lỗ từ việc thoái vốn công ty con	138.167.412.233	-
Chi phí lãi vay	13.772.344.953	14.128.237.011
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	23.646.389	-
Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư công ty con	(14.068.911.080)	-
TỔNG CỘNG	137.894.492.495	14.128.237.011

25 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	443.638.889	-
TỔNG CỘNG	443.638.889	-

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Chi phí nhân viên	25.706.273.831	25.154.182.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.402.988.813	30.452.072.615
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.131.649.926	149.915.943
Khác	104.879.453	8.022.000
(Hoàn nhập)/Dự phòng phải thu khó đòi	(1.748.917.882)	987.356.772
TỔNG CỘNG	43.596.874.141	56.751.550.066

27 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Thu nhập khác		
Khác	4.363.962	280.407
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	602.085.402	924.109.820
Khác	107.797.854	117.739.101
	709.883.256	1.041.848.921
Lợi nhuận khác	(705.519.294)	(1.041.568.514)

28 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lỗ kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(130.249.617.728)	11.301.627.021
Thuế tính ở thuế suất 20% (*)	(26.049.923.546)	2.260.325.404
Điều chỉnh:		
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	25.463.384.693	-
Chi phí không được khấu trừ	586.538.853	208.369.784
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(2.468.695.188)
Chi phí thuế TNDN (*)	1.539.380.684	-
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	-	-
Thuế TNDN - hoãn lại	1.539.380.684	-
Chi phí thuế TNDN	1.539.380.684	-

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ 9 tháng được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	430.447.587.862	74.924.857.448
Chi phí nhân viên	25.706.273.831	22.475.805.020
Chi phí khấu hao TSCĐ	31.361.468.111	10.557.236.864
Khác	104.879.453	8.022.000
TỔNG CỘNG	485.871.291.375	108.953.278.104

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tập đoàn có giao dịch và số dư và giao dịch với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Công ty con trực tiếp (đến ngày 31 tháng 12 năm 2024)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Công ty con trực tiếp (đến ngày 31 tháng 12 năm 2024)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Công ty con trực tiếp (đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty TNHH 1Production	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Công ty con trực tiếp (đến ngày 24 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Công ty con trực tiếp (đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Yeah1 Up	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH 1Talents	Công ty con trực tiếp (đến ngày 21 tháng 5 năm 2025)
	Công ty con gián tiếp (từ ngày 22 tháng 05 năm 2025)
Công ty TNHH 1Brandlink	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần 1Label	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Công ty con trực tiếp (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty liên kết (đến ngày 18 tháng 4 năm 2024)
	Công ty con trực tiếp (từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
	Công ty con trực tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH BigCat	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH TingTing Network	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công Ty TNHH Giải trí Và Truyền thông Mango+	Công ty con trực tiếp

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần 1Game	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần 1Creators	Công ty liên kết
	(từ ngày 30 tháng 9 năm 2025)
Công ty Cổ phần Tera Group	Đầu tư khác của công ty con
	(đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Đào Phúc Trí	Phó chủ tịch HĐQT
	(miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Kim Min Soo	Thành viên HĐQT
	Phó Tổng Giám đốc
	(miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT
	Tổng giám đốc
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc
	(miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025)
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng giám đốc
	(bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Khánh Trang	Quyền Giám đốc tài chính
	(từ ngày 9 tháng 6 năm 2025)
	Kế toán trưởng
	(đến ngày 8 tháng 6 năm 2025)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
	(miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên BKS
	(từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Người liên quan của người nội bộ
	(đến ngày 20 tháng 3 năm 2025)
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Người liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	Công ty mà người nội bộ
	là thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bò Công Anh	Công ty mà người có liên quan của người
	nội bộ là Giám đốc
	(đến ngày 3 tháng 2 năm 2025)
Công ty Cổ phần Finbase	Công ty mà người có liên quan của người
	nội bộ là Giám đốc

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	42.812.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	11.857.000.223	42.891.137.134
	Vay	4.780.000.000	24.050.000.000
	Mua dịch vụ	3.983.333.333	3.500.000
	Lãi cho vay	933.456.731	-
	Lãi vay	19.250.959	820.054.604
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Cho vay	6.069.000.000	3.600.000.000
	Lãi cho vay	626.373.906	20.165.753
	Lãi vay	-	62.899.792
	Mua dịch vụ	-	2.200.000
Công ty TNHH Yeah1 Up	Cho vay	5.423.000.000	8.492.000.000
	Nhờ thu hộ	1.579.068.571	-
	Lãi cho vay	1.171.332.374	583.701.568
	Cung cấp dịch vụ	-	1.963.000.000
	Mua dịch vụ	-	28.909.091
Công Ty TNHH Giải Trí Và Truyền Thông Mango+	Cho vay	1.335.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	75.600.000	-
	Lãi cho vay	41.739.658	-
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Vay	-	51.713.842.260
	Lãi vay	-	2.785.993.536
	Cung cấp dịch vụ	-	9.090.909
Công ty Cổ phần Tổng hợp Truyền thông STV	Cho vay	-	19.152.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	2.310.326.514
	Mua dịch vụ	-	2.210.809.524
	Lãi cho vay	-	1.002.878.961
Công ty TNHH STV Production	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	15.506.172.840
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Lãi vay	19.029.452	-
	Cho vay	-	724.300.000
	Mua dịch vụ	-	142.170.068
	Lãi cho vay	-	118.972.191
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Cho vay	136.110.000.000	-
	Nhờ chi hộ	29.577.934.261	-
	Nhờ thu hộ	19.637.611.546	-
	Vay	16.100.000.000	21.970.000.000
	Cung cấp dịch vụ	2.910.251.852	1.876.000.000
	Lãi vay	1.508.241.574	311.579.586
	Lãi cho vay	1.259.970.410	-
	Mua dịch vụ	49.814.814	-

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2025	30.09.2024
		VND	VND
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Cung cấp dịch vụ	3.175.801.665	-
	Vay	3.000.000.000	1.500.000.000
	Cho vay	2.920.000.000	-
	Mua dịch vụ	1.370.119.010	-
	Lãi cho vay	131.356.435	-
	Lãi vay	547.945	12.446.724
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Lãi cho vay	-	73.304.388
Công ty TNHH Tera Group	Cho vay	-	17.560.000.000
	Lãi cho vay	-	674.030.959
	Cung cấp dịch vụ	-	2.216.523.810
Công ty TNHH 1Talents	Mua dịch vụ	580.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	327.600.000	287.000.000
	Nhờ thu hộ	80.000.000	-
	Vay	-	4.100.000.000
	Lãi vay	-	20.453.423
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp dịch vụ	-	543.497.378
Công ty TNHH 1Production	Mua dịch vụ	332.251.564.449	41.122.111.112
	Cho vay	246.222.000.000	2.000.000.000
	Góp vốn	211.000.000.000	-
	Nhờ chi hộ	38.658.954.590	-
	Nhờ thu hộ	35.798.959.923	-
	Cung cấp dịch vụ	4.353.300.000	1.275.000.000
	Lãi cho vay	3.076.269.027	39.124.727
	Vay	-	470.000.000
	Lãi vay	-	2.163.288
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Lãi cho vay	-	749.494.386
Công ty Cổ phần 1Game	Cung cấp dịch vụ	163.800.000	170.000.000
	Cho vay	23.000.000	2.465.000.000
	Lãi cho vay	-	199.606.697
Công ty TNHH 1Label	Cung cấp dịch vụ	10.285.502.981	522.000.000
	Vay	4.000.000.000	-
	Mua dịch vụ	2.077.739.034	-
	Chuyển nhượng vốn góp	2.000.000.000	-
	Lãi vay	94.212.326	-
Công ty TNHH Tingting Network	Lãi vay	23.560.278	44.029.524
	Vay	-	400.000.000

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Công ty TNHH BigCat	Cung cấp dịch vụ	8.930.879.399	10.326.251.471
	Vay	6.700.000.000	-
	Lãi vay	123.353.425	-
	Cho vay	-	270.000.000
	Lãi cho vay	-	2.873.835
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Lãi vay	103.826.300	97.002.738
	Vay	-	2.100.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Cung cấp dịch vụ	100.800.000	412.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	Mua dịch vụ	-	250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Cung cấp dịch vụ	-	1.905.000.000
	Cho vay	-	1.547.188.358
	Lãi cho vay	-	137.504.773
Công ty Cổ phần 1Creators	Cho vay	12.800.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	223.650.000	-
	Lãi cho vay	17.008.219	-
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	3.311.728.704	-
	Vay	1.000.000.000	-
	Lãi vay	77.958.904	-
Công ty TNHH 1Brandlink	Nhờ thu hộ	11.190.000.000	-
	Vay	6.300.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	3.863.100.000	-
	Nhờ chi hộ	162.000.000	-
	Lãi vay	58.268.492	-
Bà Lê Phương Thảo	Thu hồi tạm ứng	942.526.552	235.730.160
	Tạm ứng	598.556.595	324.083.204
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thu hồi tạm ứng	458.844.297	276.307.959
	Tạm ứng	439.946.639	390.379.789
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	-	1.900.000.000
	Lãi vay	35.967.123	60.032.875
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	793.392.064	345.425.046
	Thu hồi tạm ứng	-	345.425.046
Ông Đào Phúc Trí	Thu hồi tạm ứng	-	5.327.908.126

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)****Các khoản chi cho nhân sự quản lý chủ chốt**

Họ và tên	Chức danh	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Thù lao thành viên HĐQT			
Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	-
Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	-
Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT	-	-
Đình Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Kim Min Soo	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	-
TỔNG CỘNG		-	-

Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác

Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng giám đốc	2.583.000.000	2.025.000.000
Nguyễn Thị Khánh Trang	Giám đốc tài chính	857.899.000	736.136.100
Đặng Phương Dung	Kế toán trưởng	203.977.000	-
Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	471.131.000	1.055.371.800
Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	-
Kim Min Soo	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	-
TỔNG CỘNG		<u>4.116.007.000</u>	<u>3.816.507.900</u>

Thù lao Ban Kiểm Soát

Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban	15.000.000	-
Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên	15.000.000	-
Lê Thị Hoa	Thành viên	15.000.000	-
TỔNG CỘNG		<u>45.000.000</u>	<u>-</u>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	6.191.183.405	7.577.156.627
Công ty TNHH 1Production	4.788.630.000	2.224.200.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	3.751.506.575	1.029.286.575
Công ty TNHH 1Brandlink	3.689.410.000	-
Công ty Cổ phần 1Label	2.005.881.154	306.508.486
Công ty TNHH Vietnam Music Award	870.000.000	3.675.000.000
Công ty TNHH Big Cat	685.326.610	820.798.565
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	356.180.000	245.300.000
Công ty Cổ phần 1Creators	246.015.000	-
Công ty Cổ phần 1Game	180.180.000	-
Công ty TNHH 1Talents	117.810.000	470.800.000
Công Ty TNHH Giải Trí Và Truyền Thông Mango+	83.160.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	55.450	1.354.055.450
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	-	523.907.130
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	-	1.647.731.367
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	-	379.600.000
TỔNG CỘNG	22.965.338.194	20.254.344.200
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)		
Công ty TNHH BigCat	7.251.029.298	1.311.210.702
Công ty Cổ phần 1Game	250.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	3.624.982.867
	7.501.029.298	4.936.193.569
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7(a))		
Công ty TNHH 1Production	149.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	21.532.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	14.644.000.000	14.950.000.000
Công ty Cổ phần 1Creators	12.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	2.021.000.000	5.205.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	1.370.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	500.000.000	-
Công Ty TNHH Giải Trí Và Truyền Thông Mango+	330.000.000	-
TỔNG CỘNG	202.447.000.000	22.155.000.000

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 7(b))		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	59.805.000.000	-
Công ty TNHH 1Production	34.886.000.000	525.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	6.069.000.000	-
Công Ty TNHH Giải Trí Và Truyền Thông Mango+	145.000.000	-
TỔNG CỘNG	100.905.000.000	525.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8(a))		
Công ty TNHH 1Production	20.858.540.998	38.647.772.581
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	13.622.753.719	20.991.338.967
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	933.672.484	215.753
Công ty TNHH Yeah1 Up	926.573.102	104.088.899
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	664.055.960	37.682.054
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	142.863.284	11.506.849
Công Ty TNHH Giải Trí Và Truyền Thông Mango+	41.739.658	-
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	77.254.677	96.152.335
Bà Lê Phương Thảo	-	343.969.957
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	-	12.088.331
Ông Chế Đoàn Viên	-	6.522.276
TỔNG CỘNG	37.267.453.882	74.251.338.002
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13)		
Công ty TNHH 1Production	138.120.312.397	94.912.380.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	8.861.405.279	14.441.405.279
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	3.113.176.774	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	2.399.119.895	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	86.400.000	86.400.000
Công ty Cổ phần 1Label	-	217.779.797
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bỏ Công Anh	-	3.463.232.581
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	441.672.859
Công ty TNHH 1Talents	-	692.400.000
TỔNG CỘNG	152.580.414.345	114.255.270.516

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
Người mua trả tiền ngắn hạn (Thuyết minh 14)		
Công ty TNHH 1Production	17.550.000.000	2.410.210.093
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	850.000.000	-
TỔNG CỘNG	18.400.000.000	2.410.210.093
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 16)		
Công ty TNHH 1Talents	580.000.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	747.945
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	2.537.260
TỔNG CỘNG	580.000.000	3.285.205
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 17)		
Công ty TNHH 1Production	50.517.917.508	43.406.437.274
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	4.829.693.921	752.283.280
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	507.277.694	6.529.749
Công ty Cổ phần 1Label	355.578.081	302.502.740
Công ty TNHH Big Cat	123.353.425	-
Công ty TNHH TingTing Network	74.916.788	59.296.238
Công ty TNHH Vietnam Music Award	41.677.808	151.165.477
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	27.766.317	8.515.358
Công ty TNHH 1Talents	27.098.628	27.098.628
Công ty TNHH 1Brandlink	26.753.425	863.014
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	7.899.792	7.899.792
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	-	14.087.671
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	-	1.553.425
TỔNG CỘNG	56.539.933.387	44.738.232.646

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	30.09.2025 VND	31.12.2024 VND
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 18(a))		
Công ty TNHH 1Brandlink	1.500.000.000	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	1.040.000.000	2.040.000.000
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	1.000.000.000	-
Công ty TNHH TingTing Network	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	18.285.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	735.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	-	1.350.000.000
TỔNG CỘNG	3.840.000.000	22.710.000.000
Vay dài hạn (Thuyết minh 18(b))		
Công ty Cổ phần 1Label	1.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.500.000.000	-

Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 30 tháng 10 năm 2025.


 Lưu Anh Khoa
 Người lập


 Đặng Phương Dung
 Kế toán trưởng


 Đặng Phương Thảo
 Đại diện pháp luật Công ty